KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự phân hóa đan xen giữa các nhóm ngành với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]
GMD, POW

[Cập nhật công ty]
QTP, FMC

[Quan điểm đầu tư]
NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể cân nhắc bán hạ tỷ trọng các vị thế đã mở tại vùng 1150 (+-15), và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số về 1085 (+-15)

29/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,129.93	+0.09
VN30	1,131.46	+0.26
HĐTL VN30F1M	1,134.60	+0.15
HNXIndex	231.04	-0.13
HNX30	494.88	+0.46
UPCoM	87.04	+0.08
USD/VND	24,270	+0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.24	+1
Lãi suất qua đêm (%)	3.34	+280
Dầu (WTI, $)	72.23	+0.64
Vàng (LME, $)	2,070.79	+0.25

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**1,129.93 (+0.09%)**
KLGD (triệu CP)	**616.5 (+11.1%)**
GTGD (triệu U$)	**649.9 (+1.7%)**
HNXIndex	**231.04 (-0.13%)**
KLGD (triệu CP)	**68.7 (+16.8%)**
GTGD (triệu U$)	**51.9 (+22.1%)**
UPCoM	**87.04 (+0.08%)**
KLGD (triệu CP)	**41.4 (-22.3%)**
GTGD (triệu U$)	**19.0 (+25.1%)**
NĐTNN mua ròng (triệu U$)	**+14.8**

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự phân hóa đan xen giữa các nhóm ngành với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 339.55 tỷ đồng, tập trung tại HPG (+0.00%), KDH (+2.45%), GEX (+0.85%).

Theo báo cáo mới nhất của TCTK, xuất khẩu mặt dàng dệt may tiếp tục tăng trưởng tốt trong tháng 12 năm 2023, trái ngược với những dự báo trước đó khi nhu cầu nhập khẩu mùa lễ hội ở Mỹ và Châu Âu sẽ chỉ hỗ trợ ngành dệt may tăng trưởng đến hết tháng 8 trong năm. Cổ phiếu dệt may tăng trưởng ở ADS 1.15%; EVE 1.34%

Đánh giá về cả năm 2023 và cho năm 2024 sắp tới, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị khẳng định, thị trường bất động sản đã có những dấu hiệu tích cực hơn. Dẫu vẫn còn nhiều khó khăn nhưng thị trường đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Cổ phiếu Bất động sản tăng giá ở KDH 2.45%; DXG 1.57%

VNIndex & HNXIndex

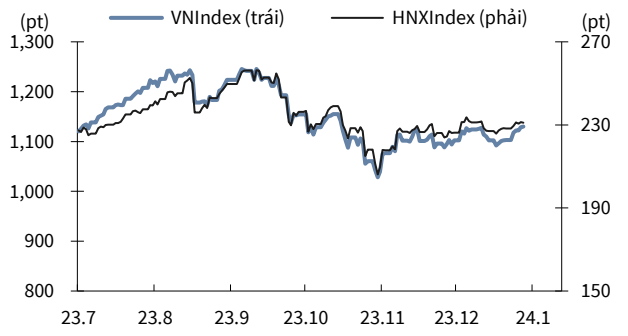

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

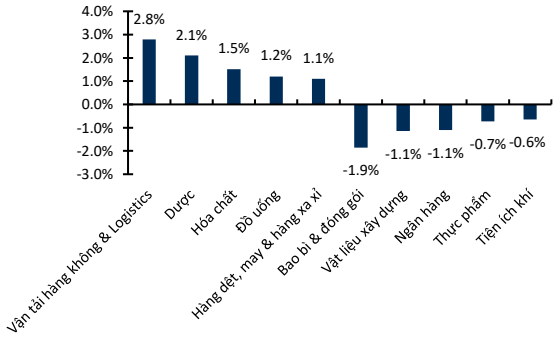

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

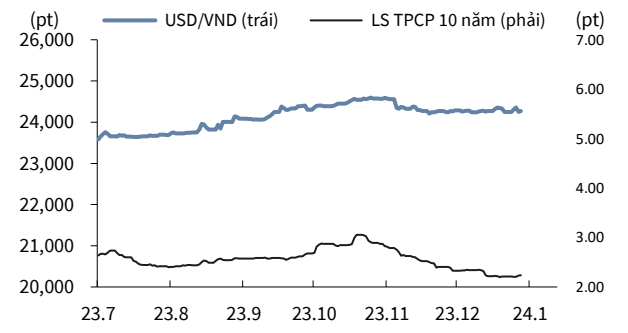

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**1,131.46 (+0.26%)**
VN30F1M	**1,134.6 (+0.15%)**
Mở cửa	**1,133.2**
Cao nhất	**1,139.6**
Thấp nhất	**1,130.5**
KLGD (HĐ)	**162,175 (+1.6%)**

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2401 và VN30 mở cửa tại 4.99 điểm, sau đó biến động quanh mức 2.1 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 3.14 điểm. Khối lượng giao dịch không đổi so với phiên liền trước.

Khối ngoại mua ròng 777 HĐTL VN30F2401 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 29,159 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 3,552 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 9,192 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN

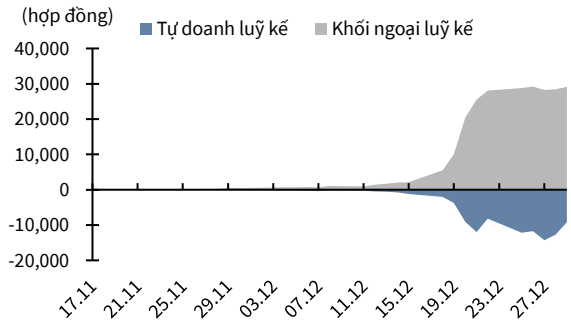

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

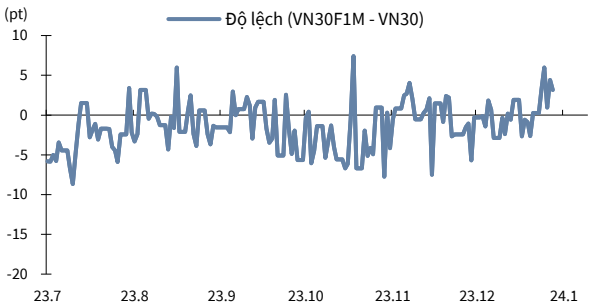

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

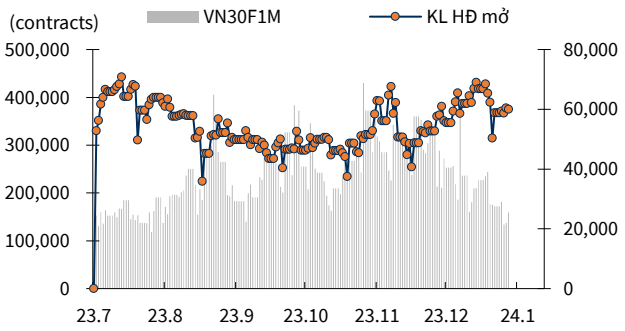

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

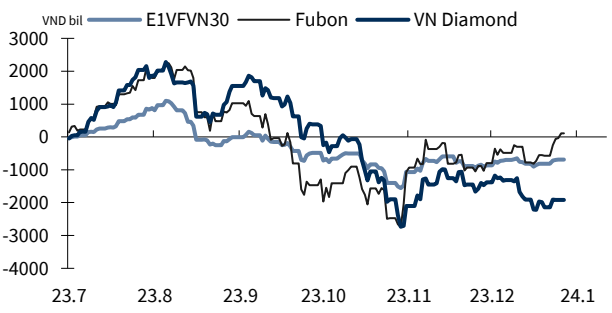

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Gemadept (GMD)

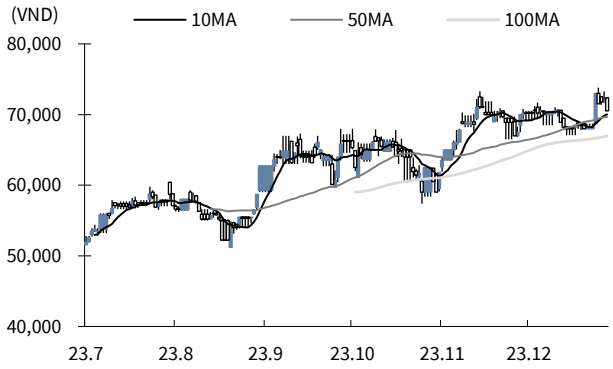

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GMD giảm 2.08% xuống 70,500 VND/cp

- Công ty cổ phần Gemadept vừa công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa dành cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc năm 2022 (ESPP). Thời gian dự kiến trong quý I/2024. Khối lượng phát hành là gần 4.6 triệu cổ phiếu, tương đương với 1.5% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Tỷ lệ này được thông qua là nhờ công ty đã vượt 31% kế hoạch lợi nhuận trong năm ngoái.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)

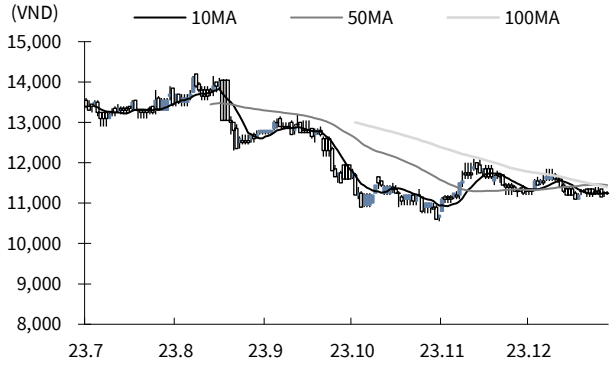

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW đóng cửa tại tham chiếu 11,250 VND/cp

- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP cho biết sản lượng điện khoảng 14.97 tỷ kWh, đạt 96% so với kế hoạch; chiếm tỷ trọng 64% sản lượng điện toàn Tập đoàn PVN (23.23 tỷ kWh). Tổng doanh thu năm nay ước đạt 30,600 tỷ đồng, vượt 1% kế hoạch năm 2023 (30,300 tỷ đồng). Tổng lợi nhuận trước thuế ước tính gần 1,327 tỷ đồng, vượt 4% chỉ tiêu năm (gần 1,277 tỷ đồng).

COMPANY REPORT

CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP)

Hưởng lợi khi nguồn cung điện thắt chặt tại miền Bắc

29/12/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
thuannd @kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận 3Q2023 giảm mạnh so với cùng kỳ

Doanh thu 3Q2023 của QTP đạt 2,507 tỷ VND (-20% yoy). LNST chỉ ghi nhận 12 tỷ VND (-92%). KQKD Quý 3/2023 suy giảm mạnh so với cùng kỳ do QTP thực hiện sửa chữa các tổ máy, dẫn đến sản lượng điện thương phẩm thấp kéo doanh thu suy giảm (QTP thực hiện bảo dưỡng tổ máy trong Quý 4/2023). Luỹ kế 9M2023, doanh thu của QTP đạt 9,211 tỷ VND (+13% yoy). Biên lợi nhuận gộp 9 tháng của QTP chỉ đạt 6%, thấp hơn so với cùng kỳ 2022 (12%).

QTP hưởng lợi trong bối cảnh thiếu hụt công suất tại miền Bắc và El Nino tiếp diễn

El Nino có xác suất cao sẽ diễn ra trong năm 2024 trước khi chuyển sang pha trung tính. El Nino tiếp diễn đồng nghĩa với nền nhiệt cao, theo đó nhu cầu sử dụng điện cho các thiết bị làm mát tăng lên đáng kể, đặc biệt vào khoảng thời gian nắng nóng đỉnh điểm. Về nguồn cung, miền Bắc hiện tại đang gặp vấn đề khi thiếu hụt nguồn cung mới từ các nhà máy do nhiều dự án chậm triển khai. Theo đó, chúng tôi kỳ vọng nhóm nhiệt điện sẽ được huy động tích cực để đảm bảo an ninh năng lượng cho khu vực phía Bắc.

Trả hết nợ vay là động lực tăng mức cổ tức lên hấp dẫn hơn

Dự nợ của QTP giảm mạnh qua các năm nhờ việc tập trung dòng tiền để trả nợ. Theo báo cáo tài chính Quý 3/2023, QTP chỉ còn khoảng 716.2 tỷ VND nợ vay. Dựa trên lịch trả nợ và tình hình thực tế, chúng tôi dự báo QTP có thể hoành thành trả nợ trả nợ vào năm 2024-2025, góp phần đẩy mạnh dòng tiền thuần của doanh nghiệp. Với việc không còn nợ vay, chúng tôi cho rằng QTP sẽ giữ mức cổ tức hấp dẫn như hiện nay khi không có kế hoạch mở rộng lớn trong giai đoạn tới.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 16,800 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu QTP. Giá mục tiêu là 16,800 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 17% so với giá tại ngày 22/12/2023.

MUA DUY TRÌ

Giá mục tiêu	16,800 VND
Tăng/giảm (%)	17%
Giá hiện tại (22/12/2023)	14,400 VND
Giá mục tiêu thị trường	16,000 VND
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,480

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	4.297
Sở hữu nước ngoài (%)	1.44%
Cổ đông lớn	GENCO 1 (42%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.8	-5.2	-15.2	11.5
Tương đối	0.6	-3.7	-14.3	0.0

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	8,571	10,417	12,024	11,768
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	734	968	694	827
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	578	764	620	834
EPS (VND)	1,168	1,698	1,378	1,853
Thay đổi EPS (%)	-59.7	45.4	-19.0	35.0
P/E (x)	14.8	7.7	12.2	9.1
P/B (x)	1.3	1.0	1.1	1.0
ROE (%)	9.4	12.4	9.1	11.4
Tỷ suất cổ tức (%)	6%	12%	10%	11%

Nguồn: Bloomberg, KBSV

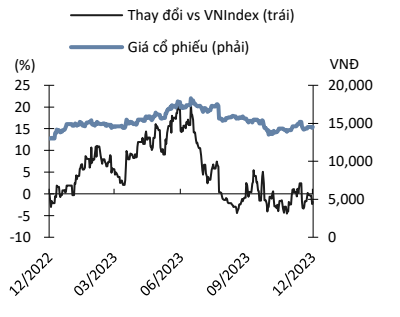

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

COMPANY REPORT

KB Securities VIETNAM

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)

Tìm ra hướng đi mới

29/12/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
Giangnt1@kbsec.com.vn

KQKD 3Q2023 hồi phục mạnh mẽ trong bối cảnh ngành gặp nhiều khó khăn

Kết thúc quý 3/2023, FMC ghi nhận 1,793 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 2% YoY. Lợi nhuận gộp doanh nghiệp đạt 184 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp đạt 10.3% mặc dù thu hẹp giảm 60bps YoY nhưng đã cải thiện mạnh mẽ 170bps QoQ. Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 89 tỷ đồng, tăng 12% YoY. Kết quả ghi nhận tích cực nhờ sản lượng hồi phục, biên lợi nhuận cải thiện đồng thời quản lý chặt chẽ các chi phí.

Tìm ra hướng đi mới là thị trường Nhật Bản

Trong khi thị trường xuất khẩu chính là Mỹ gặp khó do lạm phát cao, nhu cầu yếu, cạnh tranh gay gắt từ tôm giá rẻ của Ấn Độ và Ecuador, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu tôm gặp khó. FMC đã tìm được hướng đi mới cho mình là thị trường Nhật Bản với lợi thế sản phẩm chế biến sâu đáp ứng được yêu cầu của thị trường khó tính này. Nhờ vậy doanh số và sản lượng đã phục hồi mạnh hơn so với ngành.

Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng tiếp tục cải thiện

Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp của FMC sẽ tiếp tục cải thiện trong thời gian tới nhờ các lý do (1) Vùng nuôi mới đi vào hoạt động tăng khả năng tự cung ứng; (2) Thị trường Nhật Bản có giá xuất khẩu tốt và (3) Giá bán dự kiến phục hồi khi nhu cầu hồi phục đồng thời nguồn cung giảm dần.

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 55,500 VND

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2023 của FMC với doanh thu thuần đạt 5,191 tỷ đồng (-9% yoy), LNST đạt 284 tỷ đồng (-11% yoy). Chúng tôi cho rằng những khó khăn nhất đã qua đối với FMC và đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FMC với giá mục tiêu 55,500 VND/cổ phiếu.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	55,500 VND
Tăng/giảm (%)	23%
Giá hiện tại (28/12/2023)	44,950VND
Giá mục tiêu đồng thuận	54,533VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	2.9/0.1

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	34.8%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	1.84/0.1
Sở hữu nước ngoài	19.5%
Cổ đông lớn	PAN Group (37.75%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2.5	-9.6	6.5	40.5
Tương đối	-5.4	-7.7	7.4	25.6

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	5,199	5,702	5,191	5,626
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	286	324	284	360
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	288	320	284	358
EPS (VNĐ)	4,409	4,896	4,342	5,477
Tăng trưởng EPS (%)	-4%	11%	-11%	26%
P/E (x)	10.1	9.1	10.3	8.2
P/B (x)	1.5	1.4	1.3	1.2
ROE (%)	15%	16%	13%	15%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	3.4%	4.8%	4.8%	4.8%

Nguồn: Bloomberg, KBSV

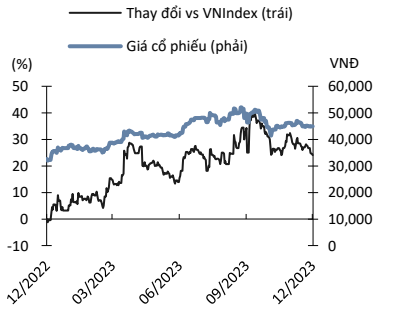

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Chuyên viên chiến lược đầu tư
Nghiêm Sỹ Tiến
tienns@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— Sau nhịp tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và đánh mất hầu hết thành quả tăng điểm về cuối phiên.

— Với việc chỉ số hình thành mẫu hình nến inverted hammer ngay tại vùng đỉnh cũ đã kiểm định thất bại 2 lần trước đó với thanh khoản tăng đang bỏ ngỏ rủi ro đảo chiều trong những nhịp sắp tới. Do đó, nhiều khả năng chỉ số sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh lớn trở lại quanh cận dưới vùng kháng cự 1150 (+-15)

— NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể cân nhắc bán hạ tỷ trọng các vị thế đã mở tại vùng 1150 (+-15), và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số về 1085 (+-15).

Chỉ số VN30

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

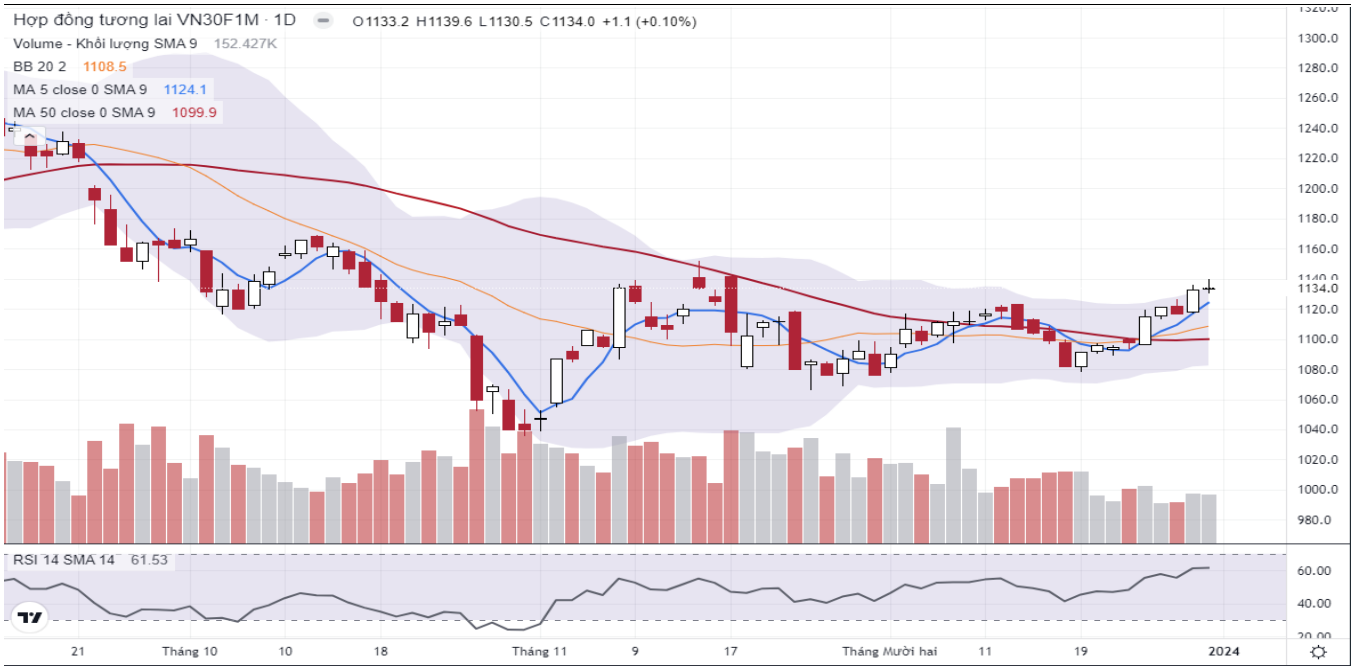

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa:	1146 – 1151
Kháng cự gần:	1138 – 1141
Hỗ trợ gần:	1127 – 1131
Hỗ trợ xa:	1107 – 1110

— F1 trải qua một nhịp tăng điểm với diễn biến giằng co là chủ đạo.

— Lực cầu không thể duy trì đà tăng điểm về cuối phiên khi tiếp sát cận dưới vùng kháng cự 1150 (+-15) cho thấy áp lực bán tại các ngưỡng cản vẫn tương đối quyết liệt. Do vậy, nhiều khả năng chỉ số tiếp tục sẽ gặp áp lực rung lắc lớn quanh 1150 (+-15).

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Mở trải lệnh từng phần các vị thế Short quanh ngưỡng kháng cự đã đề cập.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Nắm giữ các vị thế Short đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.26%	0.05%
Tăng lũy kế (YTD)	12.56%	37.63%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

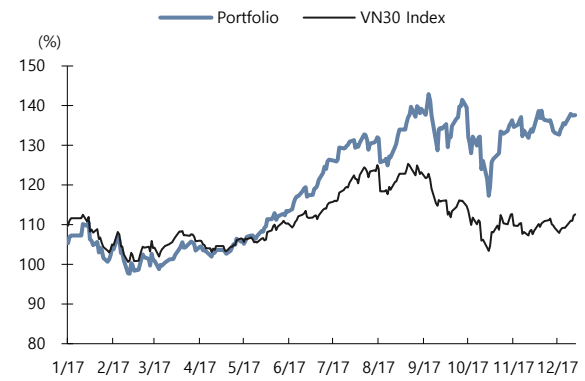

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/12/2023	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	32,800	-0.6%	20.8%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuan (PNJ)	11/01/2023	86,000	1.4%	19.4%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Digiworld (DGW)	12/01/2023	52,300	0.2%	1.6%	- Kỳ vọng đóng góp từ ngành hàng và thương hiệu mới - Khác biệt DGW với các nhà bán lẻ giúp bảo toàn lợi nhuận và phát triển bền vững
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,450	0.3%	22.2%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	23,900	0.6%	10.6%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nam Long (NLG)	12/01/2023	36,650	-0.9%	-1.5%	- Doanh số bán hàng trong quý 3/2023 tiếp tục cải thiện so với các quý trước - Các dự án căn hộ trung cấp/vừa túi tiền vẫn thu hút được người mua có nhu cầu thực - Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn
Petrovietnam Fertilizer (DPM)	12/01/2023	33,300	0.5%	0.3%	- Kỳ vọng DPM có thể cải thiện BLNG nhờ tiêu thụ hết phần tồn kho giá cao và có hợp đồng giá khí đầu vào tốt hơn - Nhu cầu tiêu thụ có thể cải thiện từ đầu năm 2024 khi thị trường nội địa bước vào vụ mùa mới
Hai An Transport (HAH)	12/01/2023	37,600	-0.4%	3.7%	- Giá cước có thể cải thiện do các vấn đề liên quan tới thời tiết và lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD
Vietcombank (VCB)	12/01/2023	80,300	-3.0%	-5.5%	- Tín dụng tăng tốc giai đoạn cuối năm 2023 và tăng tưởng bền vững trong năm 2024 - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Khang Dien House (KDH)	12/01/2023	31,400	2.4%	-0.5%	- Kỳ vọng dự án The Privia đạt tỷ lệ hấp thụ tốt, đóng góp vào doanh số bán hàng năm 2023-2024 - Kỳ vọng doanh số năm 2024 tăng trưởng mạnh

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.0%	24.5%	51.9
KDH	2.5%	37.9%	35.2
GEX	0.9%	12.3%	35.1
HSG	0.4%	21.5%	34.3
KBC	0.8%	20.7%	30.9
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
VNM	-1.3%	54.1%	-60.8
GMD	-2.1%	48.9%	-47.9
GAS	-0.7%	2.7%	-38.9
HDB	4.9%	19.8%	-18.4
VJC	0.0%	17.6%	-18.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.5%	13.1%	32.7
IDC	-0.2%	1.7%	0.9
SD5	-1.3%	2.3%	0.4
VGS	-0.4%	0.4%	0.3
PVB	0.0%	0.4%	0.2
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
PVS	-0.8%	21.3%	-2.9
CEO	0.4%	5.6%	-1.1
TNG	0.0%	20.0%	-0.4
VIG	0.0%	1.9%	-0.2
MBS	-0.4%	0.6%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	5.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	4.6%	TNH, JVC, VMD
Hóa chất	4.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Quản lý & phát triển bất động sản	4.0%	VHM, VIC, NVL, BCM
Vận tải hàng không & Logistics	3.6%	TMS, SCS, STG, ASG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Tiện ích điện	-1.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phụ tùng oto	-0.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Vật liệu xây dựng	-0.1%	HT1, PTB, GAB, ACC
Giấy & lâm sản	-0.1%	DHC, HAP, HHP, VID
Dịch vụ tài chính đa dạng	0.0%	EVF, OGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	11.0%	MWG, FRT, CTF, HAX
Sản phẩm xây dựng	10.8%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	10.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	7.0%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Chứng khoán	6.5%	SSI, VND, HCM, VCI
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Bao bì & đóng gói	-2.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ uống	-2.7%	SAB, BHN, SMB, SCD
Dịch vụ tài chính đa dạng	-2.0%	EVF, OGC
Tiện ích khí	-1.9%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	-0.9%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	128,424 (5.3)	22.5	44.4	-	14.7	3.3	0.0	1.5	1.5	0.3	3.4	4.8	-17.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	289,414 (11.9)	26.6	4.9	5.0	35.9	22.5	18.8	1.1	0.9	-1.1	7.2	4.9	-10.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	82,106 (3.4)	17.8	12.4	12.1	-7.6	12.1	11.2	1.4	1.3	-0.9	1.5	0.4	-11.4
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	356,053 (14.7)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	2.1	2.7	-5.8	21.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	49,069 (2.0)	11.6	23.8	23.7	13.7	8.8	9.2	1.8	1.7	2.4	4.5	-0.5	30.3
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	346,946 (14.3)	13.9	51.4	42.8	-	2.5	3.1	1.3	1.3	1.6	3.2	2.7	60.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	103,720 (4.3)	6.3	15.1	12.7	11.7	20.9	19.4	2.6	2.1	-3.0	-0.7	-5.6	18.5
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	43,095 (1.8)	12.7	12.7	9.9	-5.3	18.3	19.4	2.1	1.8	1.6	2.2	10.4	26.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	85,727 (3.5)	0.0	6.1	5.1	14.3	14.8	15.2	0.9	0.7	1.0	3.9	6.4	23.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	90,972 (3.7)	1.4	8.2	6.8	50.3	15.8	16.7	1.1	1.0	0.0	2.5	3.0	11.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	191,871 (7.9)	0.0	11.8	9.0	18.8	10.0	11.4	1.1	1.0	2.1	5.8	-0.3	7.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	128,263 (5.3)	0.0	4.8	4.2	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	0.5	1.9	4.5	25.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	137,241 (5.7)	4.2	6.7	4.9	23.3	21.4	23.0	1.3	1.1	4.9	7.1	12.5	46.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	410,969 (16.9)	14.0	8.7	5.3	26.5	16.6	21.4	1.2	1.0	1.3	2.8	0.5	24.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	86,926 (3.6)	0.0	5.5	4.8	37.4	16.4	17.1	1.1	0.9	0.6	3.0	3.3	15.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	207,275 (8.5)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	0.0	0.3	1.4	-7.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,615 (0.5)	21.0	16.3	16.0	15.8	8.7	8.4	1.4	1.3	-0.3	1.5	-0.5	-15.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,411 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.2	1.2	0.2	9.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	596,498 (24.6)	55.4	23.3	21.0	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.1	-0.6	1.4	3.8	85.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	225,219 (9.3)	71.9	36.6	26.3	-4.0	7.9	10.8	2.9	2.8	0.1	4.3	2.2	83.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	247,157 (10.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.6	5.6	16.7	71.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	525,002 (21.6)	27.2	19.5	19.1	36.3	9.3	9.3	1.8	1.7	0.5	3.5	5.7	64.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	182,923 (7.5)	42.1	18.3	15.6	4.0	27.7	29.6	4.6	4.3	-1.3	0.0	-1.2	-11.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	37,514 (1.5)	36.9	18.1	16.8	7.3	18.6	20.9	3.3	3.4	1.3	2.4	-4.8	-24.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	154,712 (6.4)	16.5	77.5	32.2	-51.9	3.9	11.7	3.5	3.2	0.0	6.3	6.5	-28.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	15,254 (0.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.8	14.6	20.5	13.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	100,670 (4.1)	11.0	67.7	25.5	-88.5	5.4	13.7	3.8	3.3	0.0	1.7	1.1	-1.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	59,035 (2.4)	10.8	9.4	19.5	-57.0	30.8	12.9	2.5	2.3	-2.1	3.2	0.7	55.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	112,396 (4.6)	38.4	34.3	21.9	65.7	2.4	3.8	-	-	2.4	4.2	0.9	33.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	404,387 (16.7)	37.7	33.4	28.1	-14.4	5.1	8.9	1.6	1.5	0.9	4.0	7.8	90.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	98,453 (4.1)	3.6	29.0	29.8	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	0.3	5.5	11.1	178.8
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	23,754 (1.0)	0.0	9.6	8.8	-4.5	13.2	13.0	1.2	1.1	0.7	1.8	-1.4	-8.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	54,905 (2.3)	46.1	15.1	16.3	-17.5	18.8	17.1	2.7	2.5	-0.7	1.1	-3.0	-10.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,115 (0.6)	31.4	20.7	16.6	-10.5	7.9	11.6	1.7	1.7	2.1	4.5	1.7	-15.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,013 (0.1)	34.1	13.8	6.4	-5.1	7.1	14.3	-	-	-0.3	-1.7	7.7	16.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	721,899 (29.7)	18.0	22.0	12.7	21.9	7.3	12.0	1.6	1.5	0.0	3.3	3.5	55.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	46,485 (1.9)	36.5	17.4	14.8	-0.5	6.4	7.8	1.1	1.1	0.5	2.3	2.1	-22.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	79,372 (3.3)	46.5	16.4	10.1	-4.5	10.3	16.7	1.5	1.4	1.7	2.5	2.7	22.3
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	240,662 (9.9)	38.9	13.2	9.3	67.9	10.4	15.3	1.2	1.1	0.4	5.6	4.8	103.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	19,415 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.3	2.3	4.0	38.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,926 (1.1)	4.6	14.8	12.9	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.6	0.0	2.1	-3.6	8.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	112,136 (4.6)	39.9	33.6	13.8	-11.9	4.3	7.7	1.0	1.0	1.1	1.8	-0.9	58.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	108,158 (4.5)	35.9	9.2	7.9	2.2	14.3	14.5	1.3	1.1	0.2	-0.8	1.5	20.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	323,780 (13.3)	0.0	48.8	22.2	14.4	1.4	8.7	2.6	2.4	-0.6	1.1	10.3	-0.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	82,867 (3.4)	0.0	16.4	14.1	2.4	18.9	19.7	3.0	2.6	1.4	2.6	7.6	-4.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	13,179 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.4	4.8	21.7	132.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	37,892 (1.6)	30.3	-	33.6	-75.2	-6.0	22.8	8.0	7.5	1.7	4.4	7.2	78.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	12,998 (0.5)	34.6	14.7	18.5	41.2	14.9	12.5	2.1	2.2	0.6	4.6	6.2	26.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,873 (0.1)	45.4	14.0	14.6	10.7	22.3	19.5	2.9	2.6	2.8	4.5	0.2	22.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	191,764 (7.9)	0.0	19.3	15.7	15.5	28.0	29.3	5.0	4.3	-0.5	1.6	4.8	43.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.